

VINACONEX 5

SỐ: . CT5/TCKT

Hà nội, Ngày 17 tháng 11 năm 2010

V/v: Công bố thông tin BCTC hợp nhất Q3/2010

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5
Mã chứng khoán : VC5
Trụ sở chính : 203 Trần Phú — Bưởi Sơn — Thanh Hoá
VP Hà nội : Tầng 2 Toà nhà VIMECO Lô E9 - Phạm Hùng - Cầu Giấy - Hà nội
Điện thoại : 04.37849731 Fax: 04.37848937

Người thực hiện công bố thông tin Ông: **Lê Thanh Giêng**

Địa chỉ : P19.4 Nhà CT3 VIMECO Trần Duy Hưng - Cầu Giấy - Hà nội
Điện thoại : Di động :0912181756
:Nhà riêng :04.22250082

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2010 của Công ty CP XD số 5 được lập ngày 15 tháng 11 năm 2010.

1. Bảng cân đối kế toán (Theo mẫu B01a - DN);
2. Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Theo mẫu B02a - DN);
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Theo mẫu B03a - DN);
4. Bản thuyết minh BCTC (Theo mẫu B09a - DN);

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhân:

- Như trên
- Lưu Cty

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBT**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ III

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2010	01/01/2010
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		482,503,633,373	486,797,989,192
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		31,389,943,680	47,074,390,573
1 Tiền	111	V.1.	31,389,943,680	47,074,390,573
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		136,726,857,707	176,119,132,601
1 Phải thu của khách hàng	131		85,816,984,467	142,256,263,704
2 Trả trước cho người bán	132		50,797,214,690	33,688,455,921
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	411,508,013	473,262,439
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(298,849,463)	(298,849,463)
IV Hàng tồn kho	140		311,048,984,762	262,166,219,486
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	311,048,984,762	262,166,219,486
V Tài sản ngắn hạn khác	150		3,337,847,224	1,438,246,532
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nh à nước	154	V.4.	1,978,910,549	37,188,697
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.1	1,358,936,675	1,401,057,835
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		35,040,123,577	34,224,753,878
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
5 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II Tài sản cố định	220		31,883,962,319	31,491,587,231
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	30,489,737,218	30,097,362,130
- Nguyên giá	222		76,017,459,241	73,358,752,514
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45,527,722,023)	(43,261,390,384)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.5.	1,394,225,101	1,394,225,101
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3 Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V Lợi thế thương mại	260		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	270		3,156,161,258	2,733,166,647
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.7.	3,156,161,258	2,733,166,647
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		517,543,756,950	521,022,743,070

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ III

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2010	01/01/2010
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		424,877,679,997	426,525,916,309
I Nợ ngắn hạn	310		407,526,860,738	410,188,516,150
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8.	138,317,692,427	106,509,459,084
2 Phải trả người bán	312		63,281,117,205	94,766,972,046
3 Người mua trả tiền trước	313		193,927,034,621	169,277,635,010
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9.	2,133,874,913	10,958,639,553
5 Phải trả người lao động	315		2,267,622,124	20,083,803,124
6 Chi phí phải trả	316	V.10.	549,162,855	549,162,855
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.11.	1,701,064,170	3,028,236,891
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5,349,292,423	5,014,607,587
II Nợ dài hạn	330		17,350,819,259	16,337,400,159
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2 Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3 Phải trả dài hạn khác	333	VIII.2.2	-	180,000,000
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.12.	10,296,180,000	8,992,400,000
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1,845,758,349	1,956,119,249
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		5,208,880,910	5,208,880,910
9 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	339		-	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		87,939,963,449	91,236,504,118
I Vốn chủ sở hữu	410	V.13.	87,939,963,449	91,236,504,118
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50,000,000,000	50,000,000,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		9,828,000,000	9,828,000,000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		1,225,495,749	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		16,842,181,823	11,358,818,115
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		2,292,308,129	1,544,827,062
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7,751,977,748	18,504,858,941
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		4,726,113,504	3,260,322,643
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+439+400)	440		517,543,756,950	521,022,743,070

CÔNG TY CP XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-037) 3 824 876 Fax: (84-037) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ III

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

Hà nội, ngày 15 tháng 11 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Tổng giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

Mai Văn Sơn

Lê Thanh Giảng

Trần Duy Báu

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/09/2010	01/01/2010
1 Tài sản thuê ngoài		-	-
2 Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3 Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4 Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5 Ngoại tệ các loại		-	-
<i>USD</i>	<i>V.I.</i>	<i>96.92</i>	<i>96.92</i>
6 Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

*Hà nội, ngày 15 tháng 11 năm 2010***CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5****Người lập****Kế toán trưởng****Tổng giám đốc****Mai Văn Sơn****Lê Thanh Giêng****Trần Duy Bái**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý III năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.14.	80,029,470,584	135,185,343,263	311,468,748,326	360,893,255,562
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp D.vụ dịch vụ (10=01-02)	10	VI.15.	80,029,470,584	135,185,343,263	311,468,748,326	360,893,255,562
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.16.	74,375,569,820	123,024,767,249	289,901,667,730	334,364,570,482
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp D.vụ (20=10-11)	20		5,653,900,764	12,160,576,014	21,567,080,596	26,528,685,080
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.17.	406,660,509	785,033,799	752,413,863	1,319,887,969
7 Chi phí tài chính	22	VI.18.	275,447,743	2,370,718,360	5,809,698,163	8,202,804,766
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>275,447,743</i>	<i>2,370,718,360</i>	<i>5,809,698,163</i>	<i>8,202,804,766</i>
8 Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.3	3,136,704,170	4,511,033,860	8,830,692,050	8,477,700,086
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		2,648,409,360	6,063,857,593	7,679,104,246	11,168,068,197
11 Thu nhập khác	31	VIII.2.4	2,545,000	500,000	1,332,139,908	32,924,683
12 Chi phí khác	32	VIII.2.5	-	-	5,966,665	-
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2,545,000	500,000	1,326,173,243	32,924,683
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2,650,954,360	6,064,357,593	9,005,277,489	11,200,992,880
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.19.	661,081,476	1,018,099,304	2,379,968,198	1,660,178,715
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1,989,872,884	5,046,258,289	6,625,309,291	9,540,814,165
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		69,368,998	744,877,577	89,051,961	764,560,540
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		1,920,503,886	4,301,380,712	6,536,257,330	8,776,253,625
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		398	1009	1325	1908

Hà nội, ngày 15 tháng 11 năm 2010
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Mai Văn Sơn

Lê Thanh Giêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Quý III năm 2010

Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	9,005,277,489	11,200,992,880
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	2	5,650,707,379	6,035,798,615
- Các khoản dự phòng	3	295,593,463	790,073,224
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(2,085,070,436)	-
- Chi phí lãi vay	6	5,809,698,163	8,979,087,044
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	18,676,206,058	27,005,951,763
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	(23,871,003,476)	(49,841,908,188)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(48,882,765,276)	80,762,569,186
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	13,317,756,301	39,316,672,631
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	136,714,611	326,885,177
- Tiền lãi vay đã trả	13	(5,809,698,163)	(8,979,087,044)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2,205,400,522)	(2,190,334,742)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1,326,689,908	8,872,303,963
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(180,000,000)	(2,575,197,651)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(47,491,500,559)	92,697,855,095
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	(6,049,049,132)	(5,950,168,104)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	1,301,700,908	-
4. khác	24	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	752,413,863	895,024,664
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3,994,934,361)	(5,055,143,440)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	3,923,500,000	1,350,000,000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	232,235,362,973	307,913,555,880
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(200,356,874,946)	(375,060,644,675)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	35,801,988,027	(65,797,088,795)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(15,684,446,893)	21,845,622,860
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	47,074,390,573	19,767,221,188
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	31,389,943,680	41,612,844,048

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Người lập

Kế toán trưởng

Mai Văn Sơn

Lê Thanh Giảng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Quý III năm 2010****(tiếp theo)****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng số 5, tên giao dịch là THE VIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY – NO 5 (VINACONEX No 5 – JSC), gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Công ty Xây dựng số 5 được thành lập theo quyết định số 1500-BXD ngày 29/09/1973 trên cơ sở sáp nhập Công ty Kiến trúc Ninh Bình và Công ty Kiến trúc Nam Hà thành Công ty Xây dựng số 5; sau đó được thành lập lại theo Quyết định số 047A/BXD-TCLĐ ngày 12/02/1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Từ ngày 04/10/2004 Công ty Xây dựng số 5 được chuyển thành Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 theo Quyết định số 1552/QĐ-BXD ngày 04/10/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2603000225 ngày 05/11/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hoá cấp. Công ty có 06 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 05 tháng 11 năm 2004;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 12 tháng 04 năm 2007;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 18 tháng 07 năm 2007;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 18 tháng 10 năm 2007;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 06 tháng 05 năm 2009;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 28 tháng 04 năm 2010.
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 20 tháng 07 năm 2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **50.000.000.000** đồng (*Năm mươi tỉ đồng*)

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VC5.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng và thủy lợi; xây dựng các công trình cảng thủy và cảng hàng không; Xây lắp đường dây và trạm biến áp; Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp và dân cư; Xây dựng cầu đường; Gia công lắp đặt cơ khí cho xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Đầu tư và kinh doanh nhà ở, khu đô thị;
- Đầu tư khai thác và kinh doanh nước sạch;
- Khai thác, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh vận tải đường bộ và thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ lao động và thương mại;
- Sửa chữa, bảo trì: Thiết bị cơ, điện, nước, và các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm gỗ công nghiệp cho xây dựng và gia dụng;
- Chế biến gỗ và lâm sản cho xây dựng;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu thiết bị và sản phẩm xây dựng./.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Quý III năm 2010****(tiếp theo)**

Công ty có 01 văn phòng đại diện tại Hà Nội, địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà Vimeco - lô E9 đường Phạm Hùng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

4. Công ty có 01 Công ty con được hợp nhất

Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam tên giao dịch là VIET NAM CONTRUCSTION AND INTERIOR DECORATION JOINT STOCK COMPAYNY gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Công ty Cổ phần xây lắp và trang trí nội thất Việt Nam, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103001400 ngày 25/09/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0101295134 ngày 16/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ: **10.000.000.000 đồng** (Mười tỷ đồng)

Trụ sở chính tại Tầng 2 Tòa nhà Vimeco - Lô E9 đường Phạm Hùng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Riêng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động 01/01/2010 đến 30/09/2010.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán ANA4.0.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Quý III năm 2010****(tiếp theo)**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính sản xuất kinh doanh của các Công ty Cổ phần mà Công ty nắm giữ cổ phần chi phối được lập tại ngày 31/12 hàng năm. Các nghiệp vụ luân chuyển và số dư nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất, được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp giá đích danh.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Tại thời điểm 30/09/2010, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**4.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quyết định số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Quý III năm 2010****(tiếp theo)**

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**5.1 Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 16 – Chi phí đi vay.

5.2 Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ

Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ được tính căn cứ số tiền các đội phụ trách các công trình vay vốn của công ty để mua nguyên vật liệu và trả tiền nhân công trực tiếp cho công trình đó. Lãi suất là lãi suất ngân hàng tại thời điểm công ty phải trả cho ngân hàng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau bao gồm các loại chi phí: chi phí mua các công cụ xây dựng, phụ tùng thay thế, công cụ văn phòng, đội và thương hiệu VINACONEX chờ phân bổ.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí kiểm toán cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/09/2010 và chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận căn cứ trên Hợp đồng kinh tế.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và tạm trích các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu hoạt động xây lắp các công trình xây dựng, dọn vệ sinh công nghiệp, vận

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-037) 3 824 876 Fax: (84-037) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2010

(tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Quý III năm 2010****(tiếp theo)**

Một số hợp đồng xây dựng của Công ty quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng, doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hóa đơn giá trị gia tăng, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực số 15 - "Hợp đồng xây dựng".

Một số hợp đồng xây dựng khác của Công ty quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực số 15 - "Hợp đồng xây dựng".

Doanh thu dịch vụ vệ sinh công nghiệp, vận chuyển được xác định theo giá trị khối lượng hoàn thành, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, và chênh lệch tỉ giá phù hợp các quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ, đã trừ đi chi phí lãi vay được vốn hóa.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**12.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng của bên bán.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Trong kỳ hoạt động kinh doanh từ 01/01/2010 đến 30/09/2010 Công ty không trích lập dự phòng.

12.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là công trình Nhà máy nước Nghi Sơn trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

12.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2010

(tiếp theo)

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

12.4 Nguyên tắc ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm

Khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích lập từ 2% tổng quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội của công ty.

12.5 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 5% đối với các dịch vụ sửa chữa, 10% đối với hoạt động xây lắp và dịch vụ khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

12.6 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn của hoạt động xây lắp được ghi nhận trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh của từng công trình. Tuy nhiên để đảm bảo hiệu quả kinh doanh công ty thực hiện việc ký kết hợp đồng giao khoán công trình cho các đội thi công với mức giao khoán từ 85% đến 95% doanh thu tùy thuộc vào từng công trình.

Giá vốn các dịch vụ khác được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền

	30/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
<i>Tiền mặt (VND)</i>	1,183,425,572	944,097,436
Tiền mặt tại quỹ Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	717,774,485	118,018,954
Tiền mặt tại quỹ Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam	465,651,087	826,078,482
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	30,206,518,108	46,130,293,137
<i>Tài khoản VND</i>	30,204,765,546	46,128,540,575
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	17,960,014,427	43,649,987,587
Ngân hàng Công thương thị xã Bim Sơn	4,079,396,327	10,309,458,917
Ngân hàng No & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội	94,346,587	2,189,081,217
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn	12,837,465,919	19,128,890,918
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội	047 100 108	10 000 361 355

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-037) 3 824 876 Fax: (84-037) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2010

(tiếp theo)

Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt - Chi nhánh Hà Nội

1,606,396 1,032,195,180

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2010

(tiếp theo)

Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam	12,244,751,119	2,478,552,988
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô	714,241,170	2,478,552,988
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	11,530,509,949	-
Tài khoản USD	1,752,562	1,752,562
Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt - Chi nhánh Hà Nội	1,752,562	1,752,562
Tổng cộng	31,389,943,680	47,074,390,573
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
<i>Phải thu khác</i>	<i>26,307,561</i>	<i>16,122,561</i>
<i>Dư nợ TK 338</i>	<i>385,200,452</i>	<i>457,139,878</i>
Bảo hiểm xã hội nộp trước	254,827,893	447,000,464
Công ty Cổ phần Xây dựng số 6 (Vinaconex 6)	7,042,414	7,042,414
Công ty MêKông	2,850,000	2,850,000
Các đối tượng khác	120,480,145	247,000
Tổng cộng	411,508,013	473,262,439
3. Hàng tồn kho	30/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4,302,294,774	4,249,620,804
Công cụ, dụng cụ	967,180,935	608,773,893
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	305,439,221,881	256,967,537,617
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng số 5</i>	<i>301,062,630,445</i>	<i>#####</i>
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam</i>	<i>4,376,591,436</i>	<i>1,283,771,592</i>
Thành phẩm	70,894,839	70,894,839
Hàng hóa	269,392,333	269,392,333
Cộng giá gốc hàng tồn kho	311,048,984,762	262,166,219,486
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	30/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	1,909,967,511	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	0	37,188,697
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	68,943,038	-
Cộng	1,978,910,549	37,188,697
5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công trình Nhà máy nước Nghi Sơn	1,388,246,556	1,388,246,556
Đường ống nước vào xưởng mộc Vinata	5,978,545	5,978,545

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-037) 3 824 876 Fax: (84-037) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2010

(tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2010

(tiếp theo)

6.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-037) 3 824 876 Fax: (84-037) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2010

(tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2010

(tiếp theo)

7. Chi phí trả trước dài hạn	30/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	2,586,161,258	2,133,166,647
Thương hiệu Vinaconex	570,000,000	600,000,000
Tổng cộng	3,156,161,258	2,733,166,647

8. Vay và nợ ngắn hạn	30/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bim Sơn	94,157,426,227	62,278,191,382
Ngân hàng Công thương thị xã Bim Sơn	27,533,830,000	20,203,401,000
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội	16,626,436,200	24,027,866,702
Tổng cộng	138,317,692,427	106,509,459,084

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2010	Số phải nộp	Số đã nộp	Đơn vị tính: VND 30/09/2010
	Thuế GTGT đầu ra			
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng số 5</i>	8,424,410,846	4,165,835,619	14,500,213,967	(1,909,967,502)
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam</i>	785,961,708	853,294,279	1,317,658,263	321,597,724
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng số 5</i>	1,649,587,739	2,321,598,118	2,205,400,522	1,765,785,335
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam</i>	(37,188,697)	58,370,080	-	21,181,383
Thuế thu nhập cá nhân	1,466,416	144,250,500	139,947,445	5,769,471
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	77,671,844	148,829,500	295,444,391	(68,943,047)
Các loại thuế khác	19,541,000			19,541,000
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	37,188,697			1,978,910,549
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10,958,639,553			2,133,874,913

10. Chi phí phải trả	9/30/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	549,162,855	549,162,855
Trích trước chi phí kiểm toán	-	-
Tổng cộng	549,162,855	549,162,855

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
<i>Tài sản thừa chờ xử lý</i>	12,167,582	12,167,582

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2010

(tiếp theo)

Kinh phí công đoàn	726,617,119	1,040,300,739
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	507,932,153	872,065,773
Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam	218,684,966	168,234,966
Các khoản Bảo hiểm phải nộp	21,702,478	363,682,378
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	17,300,478	359,280,378
Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam	4,402,000	4,402,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	940,576,991	1,612,086,192
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	688,027,200	1,504,392,516
Công ty CP xây lắp và trang trí nội thất Việt Nam	252,549,791	107,693,676
Tổng cộng	1,701,064,170	3,028,236,891
12. Vay và nợ dài hạn	30/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bim Sơn	6,478,600,000	6,800,000,000
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội	3,817,580,000	2,192,400,000
Tổng cộng	10,296,180,000	8,992,400,000

13. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2009	50,000,000,000	9,828,000,000	14,689,524,318	74,517,524,318
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	20,357,940,649	20,357,940,649
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(16,542,606,026)	(16,542,606,026)
Số dư tại ngày 31/12/2009	50,000,000,000	9,828,000,000	18,504,858,941	78,332,858,941
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	6,625,309,291	6,625,309,291
Tăng khác	-	-	1,225,495,749	1,225,495,749
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(17,378,190,484)	(17,378,190,484)
Số dư tại ngày 30/09/2010	50,000,000,000	9,828,000,000	8,977,473,497	68,805,473,497

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

30/09/2010

01/01/2010

VND

VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2010

(tiếp theo)

Vốn góp của Nhà nước - Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	25,500,000,000	25,500,000,000
Vốn góp của các cổ đông khác	24,500,000,000	24,500,000,000
Cộng	50,000,000,000	50,000,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50,000,000,000	50,000,000,000
Vốn góp đầu năm	50,000,000,000	50,000,000,000
Vốn góp cuối năm	50,000,000,000	50,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	7,000,000,000

d) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	14%	14%
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	14%	14%

đ) Cổ phiếu

	30/09/2010	01/01/2010
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5,000,000	5,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5,000,000	5,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5,000,000	5,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,000,000	5,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5,000,000	5,000,000
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

f) Các quỹ của công ty

Chỉ tiêu	01/01/2010	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				30/09/2010
Quỹ đầu tư phát triển	11,358,818,115	6,158,340,359	674,976,651	16,842,181,823
Quỹ dự phòng tài chính	1,544,827,062	769,105,277	21,624,210	2,292,308,129
Tổng cộng	12,903,645,177	6,927,445,636	696,600,861	19,134,489,952

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

14. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2010	Từ 01/01/2009
	đến 30/09/2010	đến 30/09/2009
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	301,115,840,986	353,115,873,697
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng số 5</i>	<i>294,910,503,084</i>	<i>#####</i>
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam</i>	<i>6,205,337,902</i>	<i>5,662,312,636</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2010

(tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ	10,352,907,340	7,777,381,865
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng số 5</i>	<i>10,352,907,340</i>	<i>7,777,381,865</i>
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam</i>	-	-
Tổng cộng	311,468,748,326	360,893,255,562
15. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2010	Từ 01/01/2009
	đến 30/09/2010	đến 30/09/2009
	VND	VND
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	301,115,840,986	353,115,873,697
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	10,352,907,340	7,777,381,865
Tổng cộng	311,468,748,326	360,893,255,562
16. Giá vốn hàng bán	Từ 01/01/2010	Từ 01/01/2009
	đến 30/09/2010	đến 30/09/2009
	VND	VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	279,657,936,505	327,053,832,482
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng số 5</i>	<i>274,885,758,504</i>	<i>#####</i>
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam</i>	<i>4,772,178,001</i>	<i>2,653,985,514</i>
Giá vốn dịch vụ đã cấp	10,243,731,225	7,310,738,000
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng số 5</i>	<i>10,243,731,225</i>	<i>7,310,738,000</i>
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam</i>	-	-
Tổng cộng	289,901,667,730	334,364,570,482
17. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2010	Từ 01/01/2009
	đến 30/09/2010	đến 30/09/2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi	752,413,863	1,319,887,969
Tổng cộng	752,413,863	1,319,887,969
18. Chi phí tài chính	Từ 01/01/2010	Từ 01/01/2009
	đến 30/09/2010	đến 30/09/2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	5,809,698,163	8,202,804,766
Tổng cộng	5,809,698,163	8,202,804,766
19. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/01/2010	Từ 01/01/2009
	đến 30/09/2010	đến 30/09/2009

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-037) 3 824 876 Fax: (84-037) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2010

(tiếp theo)

VND

VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2010

(tiếp theo)

Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	313,553,302,097	362,246,068,214
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	304,548,024,608	351,045,075,334
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	9,005,277,489	11,200,992,880
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2,251,319,372	2,800,248,220
Số thuế TNDN đã được điều chỉnh giảm 50% theo thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003	-	1,140,069,505
Số thuế TNDN phải nộp năm hiện hành	2,251,319,372	1,660,178,715
20. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	190,718,197,812	228,762,499,080
Chi phí nhân công	59,021,900,678	55,739,158,706
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5,419,285,900	4,100,807,462
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78,132,045,717	30,770,151,565
Chi phí khác bằng tiền	10,989,865,364	8,729,188,313
Tổng cộng	344,281,295,471	328,101,805,126
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30/09/2010	9/30/2009
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6,625,309,291	9,540,814,165
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6,625,309,291	9,540,814,165
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5,000,000	5,000,000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,325	1,908
VIII Những thông tin khác		
1. Thông tin về các bên liên quan		
1.1 Giao dịch với các bên liên quan	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009
	VND	VND
Doanh thu	66,356,047,820	19,681,099,370
Tổng Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng Việt Nam	66,356,047,820	19,681,099,370
1.2 Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009
	VND	VND
Thu nhập Ban giám đốc công ty	627,400,000	329,764,000
Tổng cộng	627,400,000	329,764,000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2010

(tiếp theo)

2. Những thông tin khác

2.1 Tài sản ngắn hạn khác

	30/09/2010	9/30/2009
	VND	VND
Tạm ứng	688,660,528	525,351,588
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	278,403,739	416,835,839
Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí nội thất Việt Nam	410,256,789	108,515,749
Ký quỹ ngắn hạn	670,276,147	875,706,247
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội	105,276,147	375,706,247
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn	565,000,000	500,000,000
Tổng cộng	1,358,936,675	1,401,057,835

2.2 Phải trả dài hạn khác

	30/09/2010	9/30/2009
	VND	VND
Nhận ký quỹ dài hạn	0	180,000,000
Tổng cộng	-	180,000,000

2.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	5,078,443,020	4,452,816,099
Chi phí vật liệu quản lý	713,989,970	588,797,325
Chi phí đồ dùng văn phòng	194,291,417	185,816,567
Chi phí khấu hao TSCĐ	192,669,698	237,175,501
Thuế, phí và lệ phí	164,069,606	113,513,780
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	539,083,181	558,817,916
Chi phí bằng tiền khác	1,948,145,158	2,340,762,898
Tổng cộng	8,830,692,050	8,477,700,086

2.4 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009
	VND	VND
Thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ	744,262,273	-
BHXH trích thừa	-	-
Thu từ xử lý kiểm kê	554,893,635	-
Thu nhượng bán vật tư, cho thuê máy	-	-
Doanh thu cho thuê giáo và bán bê tông	24,989,000	-
Thu từ thanh lý nhượng bán công cụ, dụng cụ	7,995,000	-
Thu khác	-	500,000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2010

(tiếp theo)

2.6 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/09/2009, kỳ hoạt động 01/01/2010 đến 30/09/2010 và số liệu Hợp nhất báo cáo tài chính quý 3 năm 2009 và quý 3 năm 2010 để so sánh do Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 lập.

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Người lập

Kế toán trưởng

Mai Văn Sơn

Lê Thanh Giêng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

Địa chỉ: Số 203 Trần Phú, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Tel: (84-037) 3 824 876 Fax: (84-037) 3824 211

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2010

(tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	11,878,300,441	38,945,673,814	14,524,609,928	8,010,168,331	73,358,752,514
Mua trong năm	-	4,587,318,815	1,225,495,749	236,234,568	6,049,049,132
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(2,843,912,045)	(480,196,000)	(66,234,360)	(3,390,342,405)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	11,878,300,441	40,689,080,584	15,269,909,677	8,180,168,539	76,017,459,241
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	4,227,806,543	22,432,827,498	9,447,105,522	7,153,650,821	43,261,390,384
Khấu hao trong năm	210,253,479	3,684,148,780	1,228,446,466	527,858,654	5,650,707,379
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(2,837,945,380)	(480,196,000)	(66,234,360)	(3,384,375,740)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	4,438,060,022	23,279,030,898	10,195,355,988	7,615,275,115	45,527,722,023
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	7,650,493,898	16,512,846,316	5,077,504,406	856,517,510	30,097,362,130
Số dư cuối kỳ	7,440,240,419	17,410,049,686	5,074,553,689	564,893,424	30,489,737,218

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 21.114.244.361 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23.946.646.758 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 294.407.205 VND